

Số: 2412/KLTT-ĐCKS

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2013

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc chấp hành pháp luật về khoáng sản trong hoạt động khai thác than tại Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin

Căn cứ quy định tại các điều 55 và 56 Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Xét Báo cáo kết quả thanh tra việc chấp hành pháp luật khoáng sản đối với Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam của Đoàn thanh tra theo Quyết định số 160/QĐ-ĐCKS ngày 02 tháng 5 năm 2013 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản;

Tổng cục Địa chất và Khoáng sản kết luận như sau:

I. Chấp hành quy định pháp luật về khoáng sản

1. Kết quả thực hiện

Công ty cổ phần than Núi Béo-TKV được đổi tên thành Công ty cổ phần than Núi Béo-Vinacomin theo Thông báo số 1187/TB-VPGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần than Núi Béo-TKV. Công ty có Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5700101700 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 4 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 9 tháng 8 năm 2012, trong đó có ngành nghề kinh doanh khai thác và thu gom than.

Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 2819/GP-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2008 để khai thác than bằng phương pháp lộ thiên đến cốt -135 m tại các vỉa than: 11, 13, 14 thuộc mỏ Núi Béo, phường Hà Tu, phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; diện tích khai thác 3,75 km²; trữ lượng khai thác 21.830.000 tấn than; công suất khai thác (năm 2009 ÷ 2012 là 4.300.000 tấn/năm; năm 2013 là 3.500.000 tấn/năm; năm 2014 là 1.130.000 tấn/năm); thời hạn khai thác đến hết năm 2014.

Công ty có Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới mỏ tại thực địa của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh và các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân thị xã, phường có liên quan thực hiện ngày 03 tháng 6 năm 2009; Quyết định số 4723/QĐ-HĐQT ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Than Núi Béo-Vinacomin phê duyệt Dự án mở rộng nâng công suất mỏ than Núi Béo; đã lập Báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản; đã lập Bản đồ hiện trạng khai thác, bản vẽ hiện trạng khu vực được phép khai thác; đã bổ nhiệm Giám đốc điều hành mỏ tại Quyết định số 4518/QĐ-HĐQT ngày 26

tháng 10 năm 2009 và đã thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản; có Giấy phép sử dụng Vật liệu nổ công nghiệp số 41/GP-ATMT ngày 22 tháng 9 năm 2008 của Cục kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp-Bộ Công Thương; có Quyết định số 89/QĐ-HĐTLKS/CD ngày 19 tháng 01 năm 2010 của Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản về việc công nhận kết quả tính chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên than khu mỏ Hà Lâm thuộc địa phận các phường: Hà Lâm, Hà Trung, Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; có Quyết định số 501/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng nâng công suất mỏ than Núi Béo”; có Quyết định số 1007/QĐ-BTNMT ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt dự án cải tạo, phục hồi môi trường dự án “Đầu tư nâng công suất mỏ than Núi Béo”. Công ty đã ký quỹ phục hồi môi trường với số tiền là: 37.510.764.177 đồng tại các Giấy xác nhận số 154/GXN-QBVMT ngày 28 tháng 12 năm 2012 và số 129/GXN-QBVMT ngày 03 tháng 5 năm 2013 tại quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh; đã thực hiện việc quan trắc giám sát môi trường định kỳ 4 lần/năm theo nội dung Báo cáo ĐTM được phê duyệt; có sổ Đăng ký chủ nguồn thải, chất thải nguy hại: mã số quản lý 22.000019.T ngày 24 tháng 5 năm 2012; đã hợp đồng với doanh nghiệp có chức năng, ngành nghề kinh doanh theo quy định về việc vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh về kết quả thực hiện; có Hợp đồng thuê đất số 190/HĐTD ngày 24 tháng 12 năm 2012 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê đất là $S=2.359.963 \text{ m}^2$ để sử dụng mở rộng nâng công suất mỏ than Núi Béo, thời gian thuê đất là hết năm 2014; Hợp đồng thuê đất số 192/HĐTD ngày 24 tháng 12 năm 2012 ký với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh, diện tích thuê đất là $S=3.714.504,8 \text{ m}^2$ để sử dụng vào mục đích làm khai trường và các công trình phục vụ khai thác than, thời gian thuê đất là 10 năm; có Giấy phép khai thác sử dụng nước mặt số 2261/GP-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2009 do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp, lượng nước khai thác, sử dụng cao nhất $5000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; thời hạn khai thác là 10 năm; Giấy phép xả thải vào nguồn nước số 2485/GP-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp, lưu lượng xả thải trung bình $3.763 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, lưu lượng xả thải lớn nhất (vị trí cửa xả số 1 là $36.136 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; vị trí cửa xả số 2 là $17.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$); thời hạn Giấy phép là 05 năm.

Về công tác thăm dò than: Ngày 04 tháng 8 năm 2011, Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 1715/QĐ-VINACOMIN phê duyệt Đề án thăm dò bổ sung phục vụ cơ giới hóa mỏ than Núi Béo với khối lượng $10.700 \text{ m}^3/32\text{LK}$.

2. Các vi phạm, tồn tại

2.1. Chưa thông báo kế hoạch khai thác cho cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định tại Giấy phép khai thác.

2.2. Khai thác không có thiết kế mỏ.

2.3. Năm 2009, 2010 và 2011 đã khai thác vượt công suất quy định tại Giấy phép khai thác, cụ thể là năm 2009 khai thác 5.102.000 tấn (vượt 802.000 tấn); năm 2010 khai thác 4.706.000 tấn (vượt 406.000 tấn); năm 2011 khai thác 4.660.000 tấn (vượt 360.000 tấn).

2.4. Ký hợp đồng với Công ty cổ phần khoan và dịch vụ kỹ thuật khai thác mỏ-Công ty TNHH MTV Địa chất Việt Bắc-Vinacomin để thi công 32LK, trong đó có 30 LK vượt độ sâu so với chiều sâu quy định tại Giấy phép khai thác nhưng chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản cho phép.

2.5. Khai thác tại phần giáp ranh vỉa 14 giữa Núi Béo và Hà Lâm theo dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng khai thác lộ thiên mỏ Núi Béo ngoài ranh giới khu vực đã được cấp phép.

2.6. Thi công 02 giếng đứng để xây dựng cơ bản mỏ (mỗi giếng đã đào sâu khoảng 57 m tính từ cốt cao +35 m) theo dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo nhưng chưa có Giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản.

2.7. Chưa hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

II. Biện pháp xử lý và yêu cầu khắc phục vi phạm

1. Đoàn thanh tra đã lập biên bản vi phạm hành chính và chuyển đến Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường để ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi: Khai thác khoáng sản ngoài khu vực quy định tại Giấy phép khai thác và khai thác khoáng sản vượt quá công suất quy định tại Giấy phép khai thác (Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 35/QĐ-XPHC ngày 14 tháng 6 năm 2013).

2. Yêu cầu Công ty:

a) Thông báo kế hoạch khai thác cho cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản.

b) Lập, phê duyệt thiết kế mỏ và nộp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản theo quy định, không được khai thác khi chưa có thiết kế mỏ.

c) Khai thác đúng công suất quy định tại Giấy phép khai thác.

d) Dừng khai thác than lộ thiên khu vực giáp ranh vỉa 14 giữa Núi Béo và Hà Lâm nằm ngoài ranh giới của giấy phép khai thác; đồng thời khẩn trương hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị cấp Giấy phép khai thác đối với các khu vực này theo quy định của Luật khoáng sản 2010.

đ) Hoàn trả vốn của Nhà nước đã đầu tư cho công tác thăm dò than trong diện tích khu vực khai thác.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày ký Kết luận này, Công ty phải hoàn thành các nội dung công việc nêu trên và báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện về Tổng cục Địa chất và Khoáng sản, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Trường hợp Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản sẽ xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Thứ trưởng Chu Phạm Ngọc Hiền (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Linh Ngọc
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở TN & MT tỉnh Quảng Ninh;
- Thanh tra Bộ TN&MT;
- Tập đoàn Công nghiệp Than-Khoáng sản Việt Nam;
- Công ty cổ phần than Núi Béo-Vinacomin;
- Lưu VP, KSHĐKS.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Thuán

